

BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM - NHÌN TỪ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

✍ NGUYỄN ĐỨC HOÀNG THỌ* - NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**

Ngày nhận: 19/03/2018

Ngày phản biện: 20/03/2018

Ngày duyệt đăng: 13/04/2018

Tóm tắt: Sau 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới, vị thế của phụ nữ ở Việt Nam đã được nâng lên đáng kể, từ sự chủ động về kinh tế tới sự bình đẳng trong gia đình và xã hội. Trong nền kinh tế, phụ nữ chiếm gần 50% lực lượng lao động. Họ không chỉ “giữ lửa” trong mỗi gia đình, mà còn là những nhà lãnh đạo thành công trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Với mục đích đưa đến một góc nhìn về bình đẳng giới, bài viết tập trung phân tích, làm rõ đóng góp và tính hiệu quả của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) do phụ nữ làm chủ. Bằng phương pháp thống kê mô tả, bài viết chỉ rõ các DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, đóng góp cho ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế, từ đó làm tăng vị thế của phụ nữ và giảm bất bình đẳng giới. Tuy nhiên, DNNVV do phụ nữ làm chủ vẫn còn có những hạn chế nhất định và gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, điều đó cho thấy việc hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ là cần thiết.

Từ khóa: Bình đẳng giới, DNNVV, DNNVV do phụ nữ làm chủ.

GENDER EQUALITY IN VIETNAM - LOOKING FROM THE DEVELOPMENT OF WOMEN - OWNED SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE

Abstract: After 10 years since The Law of Gender Equality was implemented, the status of Vietnamese women has increased dramatically, expressed in the positiveness in economic, the equality in the family and society. In the economy, women account for nearly 50 percent of the workforce. They not only “keep fire” in each family but also are successful leaders in production-business activities. In order to provide a perspective of gender equality, this paper focuses on analyzing and clarifying the contribution and effectiveness of women-owned small and medium enterprises (SMEs). By the descriptive statistic method, the paper reveals that women-owned SMEs in Vietnam have played important role in generating jobs, increasing incomes, contributing to the state budget and economic growth, therefore improving the status of women and reducing gender inequality. However, women-owned SMEs still have certain limitations and face many difficulties, especially in the context of the 4th Industrial Revolution, which shows that it is essential to support for women-owned SMEs.

Keyword: Gender equality, SMEs, women-owned SMEs.

1. Giới thiệu

Sau 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới, vị thế của phụ nữ Việt Nam trong đời sống kinh tế không ngừng được nâng lên, điều đó được thể hiện trước hết ở việc xuất hiện ngày càng nhiều nữ doanh nhân trong nền kinh tế. Nhiều nhà nghiên cứu và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam đã coi “tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo” là một tiêu chí quan trọng đánh giá kết quả thực hiện triển khai “Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo” trong chương trình Nghị sự 21. Đó chính là bằng chứng khẳng định “Bình đẳng giới là trung tâm của sự phát triển kinh tế và nguồn nhân lực” [10] như trong phát biểu của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội Việt Nam Đào Ngọc Dũng tại Tuần lễ Diễn đàn Đối thoại Chính sách cấp cao về Phụ nữ và Kinh tế APEC 2017.

Trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, có tới 97,96% doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Trong đó, DNNVV do phụ nữ làm chủ là 93.224 doanh nghiệp, tương ứng với 25% trong tổng số DNNVV của nền kinh tế. Thực tiễn phát triển kinh tế cho thấy, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội như tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, đóng

* Học viện Chính trị (Bộ Quốc phòng)

** Trường Đại học Công Đoàn

góp cho ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế, từ đó làm tăng vị thế của phụ nữ và giảm bất bình đẳng giới.

Thông qua nguồn số liệu thứ cấp từ Tổng cục Thống kê, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam - VCCI, bằng phương pháp thống kê mô tả, bài viết tập trung phân tích, làm rõ đóng góp và tính hiệu quả của DNNVV do phụ nữ làm chủ, những khó khăn phải đối mặt, những yêu cầu mới do bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại rồi rút ra kết luận.

2. DNNVV và DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam

2.1. DNNVV trong nền kinh tế

Ở Việt Nam hiện nay, theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV, DNNVV là cơ sở kinh doanh đã đăng ký theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: Siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên), cụ thể như trong Bảng 1. Như vậy, có sự khác biệt trong phân loại DNNVV ở các lĩnh vực khác nhau, cụ thể là sự khác biệt giữa lĩnh vực thương mại và dịch vụ và các lĩnh vực còn lại.

Bảng 1. Phân loại DNNVV theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP

Khu vực	Theo số lao động bình quân (Người)			Theo tổng nguồn vốn (Tỷ đồng)	
	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ	Doanh nghiệp vừa	Doanh nghiệp nhỏ	Doanh nghiệp vừa
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	> 10	10 - 200	200 - 300	>20	20 -100
II. Công nghiệp và xây dựng	> 10	10 - 200	200 - 300	>20	20 -100
III. Thương mại và dịch vụ	> 10	10 - 50	50 - 100	>10	10 - 50

Nguồn: [3].

Theo cách phân loại này, tính đến ngày 31/12/2015, nền kinh tế Việt Nam có 433.453 DNNVV (bằng 97,96% tổng số doanh nghiệp), trong đó, có 321.867 doanh nghiệp siêu nhỏ (bằng 72,72% số tổng số doanh nghiệp). Theo khu vực kinh tế, DNNVV tập trung chủ yếu ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước, với 422.319 doanh nghiệp (bằng 98,74% số doanh nghiệp trong khu vực này), trong đó, có 318.688 doanh nghiệp siêu nhỏ (bằng 74,51% số doanh nghiệp của khu vực này) [bảng 2].

Bảng 2. Số DNNVV đang hoạt động tại thời điểm 31/ 12 hàng năm theo quy mô lao động và khu vực kinh tế

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

	Năm	Tổng	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ	Doanh nghiệp vừa
Toàn bộ nền kinh tế	2010	272.283	187.580	79.085	5.618
	2012	324.808	225.037	93.036	6.735
	2015	433.453	321.867	103.718	7.868
Khu vực nhà nước	2015	1.649	112	1.127	410
Khu vực ngoài nhà nước	2015	422.319	318.688	97.161	6.470
Khu vực FDI	2015	9.484	3.066	5.430	988

Nguồn: [4], [12].

Cùng với tỷ trọng lớn về số doanh nghiệp, những đóng góp của DNNVV trong nền kinh tế cũng rất ấn tượng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đến thời điểm 31/12/2015, lao động trong các DNNVV là 5.682.980 người, chiếm 44,20% tổng số lao động trong các doanh nghiệp của nền kinh tế. Năm 2015, các DNNVV đã nộp 218.930 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, bằng 29,72% tổng giá trị nộp ngân sách của các doanh nghiệp trong nền kinh tế [12]. Ngoài ra, khu vực DNNVV cũng là khu vực hình thành và phát triển đội ngũ các nhà kinh doanh năng động, sáng tạo, khai thác và phát huy tốt các nguồn lực tại chỗ...

2.2. DNNVV do phụ nữ làm chủ

Đến nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, theo Ngân hàng thế giới, có 2 cách hiểu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ: (1) Doanh nghiệp chỉ do phụ nữ làm chủ; (2) doanh nghiệp do phụ nữ nắm quyền điều hành [14]. Theo OECD, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp có toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của một phụ nữ duy nhất [7]. Ngoài ra có quan điểm cho rằng, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp có sở hữu của phụ nữ từ 51% trở lên và được điều hành hàng ngày bởi một hoặc nhiều phụ nữ... Ở Việt Nam, theo Luật Hỗ trợ DNNVV (Luật số 04/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018), "DNNVV do phụ nữ làm chủ là DNNVV có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó" [9].

Trong phạm vi bài viết, tác giả sử dụng quan niệm về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ của Ngân hàng thế giới. Theo đó, DNNVV do phụ nữ làm chủ

là DNNVV theo quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam và do phụ nữ nắm quyền điều hành (điều này cũng phù hợp số liệu sẵn có từ các báo cáo Điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê và khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam - VCCI).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tiến hành Khảo sát doanh nghiệp năm 2013, nền kinh tế nước ta có 93.224 DNNVV do phụ nữ làm chủ, tương ứng với 25% tổng số các DNNVV (tỷ lệ này năm 2011 là 24,9%). DNNVV do phụ nữ làm chủ tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, với 66.821 doanh nghiệp và có tỷ lệ tương ứng là 71,7% (nếu tính tổng các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ thì chiếm tới 98,8% số DNNVV do phụ nữ làm chủ); hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ, với 57.232 doanh nghiệp, tương ứng 61,4% [bảng 3].

Bảng 3. Số lượng DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam theo quy mô và ngành năm 2013

		Số lượng (Doanh nghiệp)	Tỷ lệ (%)
Tổng số		93.224	100
Theo quy mô	Siêu nhỏ	66.821	71,7
	Nhỏ	25.278	27,1
	Vừa	1.125	1,2
Theo ngành	Nông nghiệp	948	1,0
	Công nghiệp	35.044	37,6
	Dịch vụ	57.232	61,4

Nguồn: [1].

3. Những đóng góp của DNNVV do phụ nữ làm chủ trong nền kinh tế

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế là sự gia tăng số lượng của các DNNVV, cũng như các DNNVV do phụ nữ làm chủ. Cách tốt nhất để xem xét những đóng góp và tính hiệu quả của các DNNVV do phụ nữ làm chủ là đặt những doanh nghiệp này trong tương quan với các DNNVV do nam giới làm chủ. Từ đó, ta thấy được những đóng góp và cả tính hiệu quả của các DNNVV do phụ nữ làm chủ.

3.1. Góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động

DNNVV do phụ nữ làm chủ giúp giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động một cách hiệu quả. Từ số liệu bảng 4 cho thấy, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo việc làm cho 1.626.300 lao động, tương ứng 14,5% tổng việc làm trong các DNNVV. Đặc biệt, DNNVV do phụ nữ làm chủ cần ít vốn hơn để tạo ra một việc làm (thể hiện ở tỷ lệ vốn/việc làm chỉ ở mức 1,2 tỷ đồng/ người so với 1,7 tỷ đồng/ người ở DNNVV do nam giới làm chủ). Tỷ lệ

lao động nữ làm việc trong các DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng cao hơn so với trong các DNNVV do nam giới làm chủ, cụ thể là 45,9% so với 43,9% lao động nữ trong các DNNVV do nam giới làm chủ. Như vậy, các DNNVV do phụ nữ làm chủ không những góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, mà còn hiệu quả hơn so với DNNVV do nam giới làm chủ. Bên cạnh đóng góp tạo việc làm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, DNNVV do phụ nữ làm chủ còn góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ trong nền kinh tế thông qua tỷ lệ lao động nữ trong DNNVV do phụ nữ làm chủ cao hơn.

Bảng 4. So sánh một số chỉ tiêu giữa DNNVV do phụ nữ và nam giới làm chủ ở Việt Nam năm 2013
Đơn vị tính: ...

		Đơn vị tính:	DNNVV do nữ làm chủ	DNNVV do nam làm chủ
Tổng số doanh nghiệp		Doanh nghiệp	93.224	279.938
Tỷ lệ % trên tổng số DNNVV		%	25,0	75,0
Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi		%	54,3	57,6
Nộp ngân sách		Tỷ đồng	61.800	557.100
Tổng thu nhập		Tỷ đồng	4.800	15.100
Lao động	Tổng số	Người	1.626.300	9.605.500
	Lao động nữ	Người	746.300	4.216.500
	Tỷ lệ lao động nữ	%	45,9	43,9
Vốn	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	1.929.100	16.142.000
	Tỷ lệ vốn/ lao động	Tỷ đồng/ người	1,2	1,7
Tỷ lệ lao động đóng bảo hiểm	Lao động (chung)	%	35,9	35,0
	Lao động nữ	%	39,6	40,0
	Lao động nam	%	35,6	34,6

Nguồn: [1].

Theo số liệu bảng 4, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo thu nhập đáng kể cho người lao động. Cụ thể, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo ra tổng thu nhập 4.800 tỷ đồng, chiếm 24,1% tổng thu nhập của người lao động trong khu vực DNNVV.

3.2. Góp phần tăng ngân sách nhà nước và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại

DNNVV do phụ nữ làm chủ đã có những đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước. Điều này thể hiện ở mức đóng góp 61.800 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, tương ứng 9,98% tổng mức đóng góp của cả khu vực DNNVV. Mặc dù chiếm tới 25% số DNNVV nhưng DNNVV do phụ nữ làm chủ chỉ đóng góp 9,98% tổng mức đóng góp của cả khu vực DNNVV, nguyên nhân là do các DNNVV do phụ nữ làm chủ chủ yếu có quy mô siêu nhỏ và nhỏ (98,8% số DNNVV do phụ nữ làm chủ) [bảng 4].

Theo số liệu tại Bảng 3, DNNVV do phụ nữ làm chủ tập trung chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ (một lĩnh vực góp phần làm cho nền kinh tế “xanh” hơn), tương ứng với 61,4%. Tiếp đó, DNNVV do phụ nữ làm chủ ở lĩnh vực công nghiệp là 27,1% (nếu cộng cả hai lĩnh vực này, con số lên đến 99,0%). Như vậy, sự phát triển của các DNNVV do phụ nữ làm chủ sẽ kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong nền kinh tế, đặc biệt là tỷ trọng ngành dịch vụ (cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại).

3.3. Góp phần thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội

DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội tốt hơn DNNVV do nam giới làm chủ. Điều này được thể hiện ở tỷ lệ lao động được đóng bảo hiểm trong các DNNVV do phụ nữ làm chủ cao hơn (35,9% so với 35,0% lao động được đóng bảo hiểm ở các DNNVV do nam giới làm chủ). Chính sự chênh lệch này (dù chỉ 0,9%) đã góp phần nâng tỷ lệ đóng bảo hiểm cho người lao động trong khu vực DNNVV lên [bảng 4].

Bên cạnh đó, theo PCI 2015, DNNVV do phụ nữ làm chủ liêm chính hơn DNNVV do nam giới làm chủ. Điều này được thể hiện ở tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện việc bồi trơn thấp hơn, 61,4% DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện việc bồi trơn so với tỷ lệ 66,3% DNNVV do nam giới làm chủ thực hiện bồi trơn. Cùng với đó, mức độ sẵn sàng bồi trơn của các DNNVV do phụ nữ làm chủ với những khoản chi lớn cũng thấp hơn, thể hiện ở tỷ lệ doanh nghiệp chi không chính thức trong năm lớn hơn 10% doanh thu của DNNVV do phụ nữ làm chủ chỉ là 8,9%, trong khi tỷ lệ này ở DNNVV do nam giới làm chủ là 12,3% [13].

4. Một số vấn đề đặt ra đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ

4.1. Vấn đề hỗ trợ pháp lý đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ

Thực tiễn phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ ở nước ta cho thấy, những hỗ trợ về mặt pháp lý đối với sự phát triển của các doanh nghiệp này còn rất hạn chế. Điều đó được thể hiện qua các văn bản pháp quy quy định sự ưu tiên, hỗ trợ đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ. Cụ thể:

Văn bản pháp quy đầu tiên, phải kể đến là Nghị định số 90/2001/NĐ-CP Về trợ giúp phát triển DNNVV, trong đó chỉ rõ “...chú trọng ưu tiên chương trình trợ giúp các DNNVV do doanh nhân nữ quản lý”. Tiếp đến là Nghị định số 56/2009/NĐ-CP Về trợ giúp phát triển DNNVV (thay thế cho Nghị định 90/2001/NĐ-CP), mặc dù nội dung “trợ giúp các DNNVV do doanh nhân nữ quản lý” tiếp tục được khẳng định, tuy nhiên Nghị định này vẫn chưa có quy định chính

thức như thế nào là DNNVV do phụ nữ làm chủ, dẫn tới không tìm được đối tượng ưu đãi và đặc biệt, các quy định liên quan đến DNNVV do phụ nữ làm chủ không có hướng dẫn nên không triển khai được.

Ngày 12/6/2017, Quốc hội Khóa XIV đã thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV (Luật số: 04/2017/QH14) và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Luật Hỗ trợ DNNVV đã đưa ra quan niệm/ định nghĩa về DNNVV do phụ nữ làm chủ “là DNNVV có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó” [9]. Như vậy, Luật Hỗ trợ DNNVV đã chỉ rõ đối tượng được hưởng ưu đãi, đặc biệt, tại “Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ DNNVV”, Luật này đã chỉ rõ “*Trường hợp nhiều DNNVV cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ hơn*” [9]. Theo đó, DNNVV do phụ nữ làm chủ sẽ được thụ hưởng đầy đủ các hỗ trợ như các DNNVV khác nhưng được ưu tiên trước trong trường hợp có nhiều DNNVV cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ.

4.2. Một số hạn chế khác mà DNNVV do phụ nữ làm chủ phải đối mặt

Bên cạnh những đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, thì DNNVV do nữ giới làm chủ vẫn có kết quả sản xuất kinh doanh hạn chế trên một số khía cạnh so với DNNVV do nam giới làm chủ (như tỷ lệ doanh nghiệp làm ăn có lãi). Kết quả này phần nào phản ánh những khó khăn (nói chung và những khó khăn hơn so với các DNNVV do nam giới làm chủ) mà các DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp phải. Có thể thấy các DNNVV do phụ nữ làm chủ đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt các lãnh đạo doanh nghiệp này vẫn còn chức năng người phụ nữ nên phải gánh hai vai, một vai gia đình, một vai doanh nghiệp [6]. Cụ thể:

Trước hết, DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng như các DNNVV trong nền kinh tế còn thiếu những kỹ năng như kiến thức quản trị doanh nghiệp, vấn đề nhân lực, tài chính... Đặc biệt là vấn đề tài chính, khoảng 80% DNNVV do phụ nữ làm chủ rất khó trong tiếp cận vốn [6].

Thứ hai, DNNVV do phụ nữ làm chủ ít có cơ hội tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại. Nguyên nhân là do lãnh đạo của các doanh nghiệp này ít thông tin và ít “giao lưu” hơn đồng nghiệp nam. Theo PCI 2015, 30% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ không biết đến Hiệp hội đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), trong khi đó, tỷ lệ này ở các doanh nghiệp do nam giới làm chủ là 21% [13].

Thứ ba, DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp khó khăn từ chính thiên hướng gia đình và thiên chức làm mẹ

của người phụ nữ (lãnh đạo các doanh nghiệp và chính từ tỷ lệ lao động nữ cao hơn trong các DNNVV do phụ nữ làm chủ). Vai trò và trách nhiệm của phụ nữ được gắn nhiều hơn với thiên hướng gia đình, thiên chức làm mẹ, chăm sóc con cái, vun vén hạnh phúc gia đình... việc phải cân bằng giữa công việc với gia đình (và phải vượt qua cả những trở ngại văn hóa) đã khiến những nữ doanh nhân có ít thời gian hơn so với những đồng nghiệp nam. Từ đó, ảnh hưởng đến sự phát triển của DNNVV do phụ nữ làm chủ.

Ngoài ra, DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp trở ngại từ chính cuộc sống gia đình của những lãnh đạo doanh nghiệp này. Ở Việt Nam hiện nay, ước tính tỷ lệ nữ doanh nhân ly dị, ly thân và độc thân chiếm tới 70% [1]. Đây là vấn đề ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của các DNNVV do phụ nữ làm chủ.

4.3. Cách mạng công nghiệp 4.0 và những vấn đề đặt ra cho sự phát triển của DNNVV do phụ nữ làm chủ

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đưa nhân loại tiến vào kỷ nguyên phát triển nhảy vọt về khoa học, công nghệ, làm thay đổi từng ngày bộ mặt kinh tế thế giới. Bản chất của cách mạng công nghiệp 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy... Theo đó, cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ là cơ hội phát triển cho các công ty trong nước nếu biết tận dụng lợi thế kỹ thuật số và chuyển đổi mô hình kinh doanh kịp thời. Nguồn lực tài chính đầu tư phát triển kỹ thuật số cho các công ty cũng không đòi hỏi nhiều, phù hợp với tình hình thực tế tại Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để người tiêu dùng trong nước được tiếp cận gần hơn với các hàng hóa, dịch vụ đa dạng với giá cả hợp lý.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước thách thức phải linh động điều chỉnh sản phẩm theo nhu cầu người tiêu dùng, tích hợp các công nghệ tiên tiến để giản tiện quy trình sản xuất, giảm thời gian giao hàng, rút ngắn vòng đời sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo khả năng quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh khi ranh giới địa lý của các thị trường thương mại mờ nhạt dần. Sự phát triển công nghệ tiên tiến cũng có nghĩa là xu thế về nhân công giá rẻ của Việt Nam tại thời điểm hiện tại sẽ trở thành bất lợi lớn cho sự phát triển công nghiệp của đất nước giai đoạn mới, đồng thời đặt gánh nặng lên nền kinh tế quốc gia trong việc giải quyết việc làm cho một số lượng lớn nhân công trình độ thấp.

Với đặc điểm là vùng trũng về công nghệ của nền kinh tế, tỷ lệ doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong tổng số các doanh nghiệp rất thấp, để các DNNVV nói chung và các DNNVV do phụ nữ làm chủ nói riêng tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh mới, vấn đề chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao là vô cùng quan trọng. Ngoài ra, những vấn đề như chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, việc liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài còn ở mức độ thấp, vấn đề đạo đức kinh doanh... cũng là những thách thức không nhỏ cho sự phát triển của các DNNVV nói chung và DNNVV do phụ nữ làm chủ nói riêng.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Trên cơ sở phân tích những đóng góp của DNNVV do phụ nữ làm chủ trong nền kinh tế, rút ra một số kết luận như sau:

Một là, hiệu quả tạo việc làm và tỷ lệ lao động nữ của các DNNVV do phụ nữ làm chủ cao hơn so với các DNNVV do nam giới làm chủ.

Hai là, sự phát triển của các DNNVV do phụ nữ làm chủ sẽ kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hướng hiện đại. Nguyên nhân là do DNNVV do phụ nữ làm chủ tập trung chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ (chiếm tỷ lệ 61,4%) và ở lĩnh vực công nghiệp (chiếm tỷ lệ 27,1%).

Ba là, các DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội tốt hơn DNNVV do nam giới làm chủ.

Bốn là, các DNNVV do phụ nữ làm chủ liên chính hơn DNNVV do nam giới làm chủ.

Như vậy, cùng với những đóng góp chung như góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, đóng góp vào ngân sách nhà nước... DNNVV do phụ nữ làm chủ đã thể hiện được tính hiệu quả so với DNNVV do nam giới làm chủ trên một số khía cạnh nhất định. Đặc biệt hơn, chính những khía cạnh, lĩnh vực mà DNNVV do phụ nữ làm chủ thể hiện được tính hiệu quả như hiệu quả tạo việc làm, tạo việc làm nhiều hơn cho phụ nữ, thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội tốt hơn, liên chính hơn... đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng bền vững; đồng thời, qua đó nâng cao vị thế phụ nữ trong đời sống kinh tế, gia đình và xã hội và giảm bất bình đẳng giới. □

Tài liệu tham khảo

1. Australian Government, ADB (2016), *Báo cáo nghiên cứu DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách*.
2. Chính phủ (2001), *Nghị định của Chính phủ Về trợ giúp phát triển DNNVV*, số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001.

(Xem tiếp trang 48)

nhu cầu nhân lực của xã hội, phụ thuộc vào năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, tài chính, khả năng quản lý giảng dạy của Nhà trường.

Ngoài ra, Nhà trường cần tự chủ trong nghiên cứu và xuất bản, giảng dạy và hướng dẫn học viên cao học, các ưu tiên trong nghiên cứu và quyền tự do xuất bản

Thứ năm, xây dựng quyền Tự chủ trong xác định các chuẩn mực và phương pháp đánh giá

Để đảm bảo quyền tự chủ này, Nhà trường cần xác định các chuẩn mực và thực hiện các chuẩn mực đó, còn việc đánh giá và giám sát việc thực hiện các chuẩn mực là trách nhiệm của các cơ quan quản lý bên ngoài. Vì vậy, các khoa, bộ môn và các phòng có trách nhiệm trong việc cùng với Ban Giám hiệu xây dựng các chuẩn mực và thực hiện nghiêm các chuẩn mực đó. Đồng thời, Nhà trường cũng cần có quyền tự chủ trong các chuẩn mực học thuật, như các tiêu chuẩn của văn bằng, các vấn đề liên quan đến kiểm tra và kiểm định chất lượng.

Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả năm quyền tự chủ ban đầu trong năm lĩnh vực hoạt động chính trên, Nhà trường cần xác định mức độ tự chủ nhất định cho từng lĩnh vực tùy theo những thay đổi của điều kiện thị trường. Trước mắt, nên tập trung vào quyền tự chủ trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, đó là chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân lực; Nhà trường cần xây dựng chuẩn tuyển dụng đội ngũ giảng viên; xây dựng quy trình tuyển dụng cán bộ hợp lý; sử dụng, bố trí đúng người, đúng việc phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi người; cần quan tâm về số lượng và chất lượng, tạo dựng đội ngũ mạnh, đủ về số lượng, khỏe về chất lượng; Nhà trường cần xây dựng kế hoạch, quy trình, quy định; đảm bảo quy hoạch, thực hiện công khai các tiêu chuẩn và nhu cầu của Nhà trường; tổ chức kiểm tra trình độ, tay nghề của giảng viên, viên chức hành chính theo quy trình tuyển dụng, tiến hành nhiều chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, tiến sĩ nước ngoài; nâng cao trình độ giảng viên, nhân viên toàn Trường. Có như vậy, Nhà trường mới đạt được mục đích cơ bản nhất là nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, góp phần tạo dựng và củng cố uy tín, thương hiệu Trường Đại Công đoàn trong hệ thống các trường đại học Việt Nam cũng như trong khu vực. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục đại học 2012 và cụ thể hóa hơn trong Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/10/2014 về đổi mới cơ chế hoạt động của các trường đại học công lập giai đoạn 2014-2017 theo hướng thí điểm tự chủ toàn diện.

3. Hoàng Thị Xuân Hoa: *Tự chủ đại học - Xu thế của phát triển*, VNU Media.
4. Phan Thị Bích Nguyệt: *Tự chủ đại học và các vấn đề nhức nhối cần lời giải*, Hội thảo “Tự chủ Đại học - Cơ hội và thách thức” do Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam tổ chức ngày 30/9/2016.
5. Hoàng Thị Cẩm Thương: *Giải pháp tăng cường tự chủ đại học ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, kỳ 1, số tháng 3/2017.
6. Nguyễn Minh Thuyết: *Tự chủ đại học - Thực trạng và giải pháp, Đối thoại Giáo dục Việt Nam lần thứ nhất với chủ đề Cải cách giáo dục đại học ở Việt Nam*, ngày 31/07 và 01/08/2014 tại TP Hồ Chí Minh.
7. <https://baomoi.com/tac-dong-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-4-0-doi-voi-co-so-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-va-goi-y-chinh-sach-cho-viet-nam/c/23125511.epi>;
8. <http://vienphuongdong-ordl.vn/tu-chu-dai-hoc-cau-chuyen-tu-thuc-tien-dai-hoc-ton-duc-thang-gsts-le-vinh-danh/>.

BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 60)

3. Chính phủ (2009), *Nghị định Về trợ giúp phát triển DNNVV*, số 56/2009/NĐ-CP.
4. Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ kế hoạch và Đầu tư (2014), *Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam năm 2014*, Nhà xuất bản Thống kê.
5. Hoàng Văn Hoa (2012), “Phát triển đội ngũ nữ doanh nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, Tạp chí Phát triển kinh tế, Số 260, tr.2-9.
6. Vũ Long, “80% DNNVV do nữ làm chủ khó tiếp cận vốn vay: Vì sao vậy?” <http://theleader.vn/80-doanh-nghiep-nho-va-vua-do-nu-lam-chu-kho-tiep-can-von-vay-vi-sao-vay-20170927144259854.htm> [14:42, 27/09/2017].
7. OECD (2012), *Share, size and industry of women-owned enterprises, in entrepreneurship at a Glance 2012*, OECD Publishing.
8. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới* (Luật số: 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006).
9. Quốc hội (2017), *Luật Hỗ trợ DNNVV* (Luật số: 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017).
10. Thảo Vi (2017), “Bình đẳng giới là trung tâm của sự phát triển kinh tế và nguồn nhân lực”, <http://baodansinh.vn/binh-dang-gioi-la-trung-tam-cua-su-phat-trien-kinh-te-va-nguon-nhan-luc-d64821.html> [0:23 29/09/2017].
11. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”*, số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017.
12. Tổng cục Thống kê (2017), *Niên giám thống kê năm 2016*, Nhà xuất bản Thống kê.
13. VCCI và USAID (2015), *Dữ liệu từ khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2015*, Báo cáo khảo sát.
14. World Bank (2015). *The Enterprise Survey: Gender*, <http://www.enterprisesurveys.org/data/exploretopics/gender> [accessing on July 15, 2016].